

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ VÀ TIN HỌC VIỆT NAM**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2 - 3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	8 - 32

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam (gọi tắt là “Tổng Công ty”) đệ trình báo cáo của Ban Tổng Giám đốc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

**Hội đồng Quản trị**

Ông Nguyễn Quốc Huy	Chủ tịch
Ông Nguyễn Hồng Hiến	Ủy viên
Ông Vũ Hải Vĩnh	Ủy viên
Bà Đỗ Thị Thuý Hương	Ủy viên
Ông Lưu Hoàng Long	Ủy viên

**Ban Tổng Giám đốc**

Ông Lưu Hoàng Long	Tổng Giám đốc
Ông Vũ Song Toàn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Anh Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vũ Hải Vĩnh	Phó Tổng Giám đốc

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



**Lưu Hoàng Long**  
**Tổng Giám đốc**

Hà Nội, ngày 28 tháng 05 năm 2014

Số: 232 /VACO/BCKT.NV2

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Tổng Công ty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam (gọi tắt là "Tổng Công ty"), được lập ngày 28/05/2014, từ trang 04 đến trang 32, bao gồm Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2013, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (gọi chung là "Báo cáo tài chính hợp nhất").

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

**Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 của công ty con: Công ty Cổ phần điện tử Bình Hòa, Công ty Cổ phần Điện tử Biên Hòa được kiểm toán bởi công ty kiểm toán khác; công ty con: Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin Genpacific và các công ty liên kết: Công ty Cổ phần Cơ khí điện tử Phú Thọ Hòa, Công ty Cổ phần Máy tính Việt Nam và Công ty TNHH Điện tử Y tế Kỹ thuật cao chưa được kiểm toán. Do bị hạn chế từ các công ty này, nên chúng tôi không thực hiện được các thủ tục kiểm toán theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam liên quan đến báo cáo tài chính dùng để hợp nhất của các công ty trên, do đó, chúng tôi không đánh giá được những ảnh hưởng liên quan đến số liệu của các công ty trên được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2013 của Tổng Công ty.

Đối với Công ty Cổ phần Viettronics Đống Đa: Kiểm toán viên không kiểm tra được các tài liệu liên quan đến khoản mục "chi phí xây dựng cơ bản dở dang" và "nguồn kinh phí" tại ngày 31/12/2013 và chưa thu thập được Báo cáo tài chính của công ty liên kết là Công ty TNHH Viettronics Land tại ngày 31/12/2013 để xem xét dự phòng giảm giá đầu tư tài chính, nên chúng tôi không thể đánh giá được ảnh hưởng của việc này đến báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 của Tổng Công ty.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

### *Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ (Tiếp theo)*

Tại ngày 31/12/2013, Công ty Cổ phần Điện tử Biên Hòa chưa trích lập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn cho khoản đầu tư vào Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Công thương.

### *Ý kiến kiểm toán ngoại trừ*

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ những ảnh hưởng của vấn đề được nêu trong đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31/12/2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Nguyễn Đức Tiên  
Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 0517-2013-156-1

Nguyễn Phương Lan  
Kiểm toán viên  
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 0917-2013-156-1

*Thay mặt và đại diện cho*  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO**  
*Hà Nội, ngày 28 tháng 05 năm 2014*

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU SỐ B 01 - DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100=110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>1.066.683.926.059</b>	<b>1.218.622.930.276</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>170.436.341.570</b>	<b>182.149.197.271</b>
1. Tiền	111		40.366.341.570	55.497.340.187
2. Các khoản tương đương tiền	112		130.070.000.000	126.651.857.084
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>6</b>	<b>222.191.323.348</b>	<b>324.325.195.577</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		225.191.323.348	324.325.195.577
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(3.000.000.000)	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>355.169.503.085</b>	<b>341.914.925.525</b>
1. Phải thu khách hàng	131	7	220.794.658.957	230.653.410.155
2. Trả trước cho người bán	132	8	107.527.929.850	103.350.196.531
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	4.939.000
4. Các khoản phải thu khác	135	9	46.091.616.912	26.104.726.611
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(19.244.702.634)	(18.198.346.772)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>10</b>	<b>259.203.479.098</b>	<b>304.163.078.370</b>
1. Hàng tồn kho	141		264.003.197.143	308.768.846.125
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(4.799.718.045)	(4.605.767.755)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>59.683.278.958</b>	<b>66.070.533.533</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.619.892.085	10.049.444.507
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		6.591.498.552	6.366.834.850
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		929.436.372	459.154.323
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	11	50.542.451.949	49.195.099.853
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200=210+220+240+250+260+269)	<b>200</b>		<b>392.252.809.706</b>	<b>406.667.862.311</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>338.800.000</b>	<b>338.800.000</b>
1. Phải thu dài hạn khác	218		338.800.000	338.800.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>168.256.051.386</b>	<b>175.462.727.047</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	92.544.462.134	102.305.796.834
- Nguyên giá	222		208.287.768.022	218.957.454.408
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(115.743.305.888)	(116.651.657.574)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	49.102.595.362	50.069.399.048
- Nguyên giá	228		53.108.383.331	53.605.217.908
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.005.787.969)	(3.535.818.860)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	14	26.608.993.890	23.087.531.165
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>	<b>15</b>	<b>12.919.536.091</b>	<b>14.533.581.036</b>
- Nguyên giá	241		35.923.933.307	35.923.933.307
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(23.004.397.216)	(21.390.352.271)
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>187.126.645.955</b>	<b>194.435.417.056</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		14.010.000.000	14.172.353.778
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	16	80.072.021.262	86.410.273.278
3. Đầu tư dài hạn khác	258	17	93.852.790.000	93.952.790.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(808.165.307)	(100.000.000)
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>14.970.481.787</b>	<b>11.075.306.617</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	18	10.763.230.999	9.612.221.947
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		3.814.483.652	829.646.888
3. Tài sản dài hạn khác	268		392.767.136	633.437.782
<b>VI. Lợi thế thương mại</b>	<b>269</b>	<b>19</b>	<b>8.641.294.487</b>	<b>10.822.030.555</b>
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>1.458.936.735.765</b>	<b>1.625.290.792.587</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

**MÁU SỐ B 01 - DN**  
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>490.798.169.868</b>	<b>625.092.265.148</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>476.081.856.011</b>	<b>606.785.220.836</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	20	108.642.026.180	146.401.588.408
2. Phải trả người bán	312	21	95.544.762.814	129.308.292.710
3. Người mua trả tiền trước	313	22	95.221.471.426	61.916.833.597
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	23	16.934.839.895	78.812.526.477
5. Phải trả người lao động	315		9.117.837.538	9.845.837.381
6. Chi phí phải trả	316		12.542.824.544	36.371.272.975
7. Phải trả nội bộ	317		-	597.655.280
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		5.164.703.889	30.689.199.701
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	24	116.801.729.663	92.347.937.054
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		11.506.425.828	16.429.646.332
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		4.605.234.234	4.064.430.921
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>14.716.313.857</b>	<b>18.307.044.312</b>
1. Phải trả dài hạn khác	333		6.053.493.705	3.198.649.317
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	497.666.145
3. Dự phòng phải trả dài hạn	337		2.631.845.995	3.210.867.000
4. Doanh thu chưa thực hiện	338	25	4.186.391.500	10.815.521.500
5. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		1.844.582.657	584.340.350
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)</b>	<b>400</b>		<b>694.332.981.646</b>	<b>729.242.051.941</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	26	<b>678.430.241.677</b>	<b>713.045.232.335</b>
1. Vốn điều lệ	411		438.000.000.000	438.000.000.000
2. Cổ phiếu quỹ	414		(13.823.787.638)	(12.757.078.667)
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		752.253	4.444.308
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		28.370.542.523	26.191.456.685
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		16.427.152.302	13.945.711.702
6. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		26.619.705	4.877.126.951
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		209.428.962.532	239.280.669.104
8. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	3.502.902.252
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>15.902.739.969</b>	<b>16.196.819.606</b>
1. Nguồn kinh phí	432		15.902.739.969	16.196.819.606
<b>C. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>	<b>439</b>	27	<b>273.805.584.251</b>	<b>270.956.475.498</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>1.458.936.735.765</b>	<b>1.625.290.792.587</b>



Lưu Hoàng Long  
Tổng Giám đốc  
Hà Nội, ngày 28 tháng 05 năm 2014

Nguyễn Trung Dũng  
Kế toán trưởng

Vũ Văn Tuấn  
Người lập biểu

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

**MẪU SỐ B 02 - DN**  
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		721.382.109.765	781.580.013.067
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		2.791.394.716	12.702.013.388
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	28	718.590.715.049	768.877.999.679
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	29	613.896.592.027	627.307.104.720
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		104.694.123.022	141.570.894.959
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	31	68.564.361.274	98.874.172.035
7. Chi phí tài chính	22	32	36.586.163.155	8.913.985.282
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		10.740.526.187	7.674.149.925
8. Chi phí bán hàng	24		54.318.145.806	68.621.772.922
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		83.766.172.851	83.705.592.592
10. Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+21-22-24-25)	30		(1.411.997.516)	79.203.716.198
11. Thu nhập khác	31		48.222.526.876	7.589.859.148
12. Chi phí khác	32		7.627.184.893	2.401.701.980
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	33	40.595.341.983	5.188.157.168
14. Lãi lỗ của Công ty liên kết	45		4.184.843.788	5.666.548.830
15. Tổng lỗ kế toán trước thuế (50=30+40)	50		43.368.188.255	90.058.422.196
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	34	14.220.036.987	13.621.014.372
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(876.817.352)	(640.654.641)
18. Lãi sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		30.024.968.620	77.078.062.465
18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số			17.989.332.984	20.234.931.296
18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ			12.035.635.636	56.843.131.169
19. Lãi/(Lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	70	35	275	1.298



Lưu Hoàng Long  
Tổng Giám đốc  
Hà Nội, ngày 28 tháng 05 năm 2014

Nguyễn Trung Dũng  
Kế toán trưởng

Vũ Văn Tuấn  
Người lập biểu



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
(Theo phương pháp trực tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

MẪU SỐ B 03 - DN  
Đơn vị: VND  
Năm 2013  
Năm 2012

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2013	Năm 2012
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1	850.341.388.787	895.094.738.059
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	2	(572.095.516.954)	(638.852.494.485)
3. Tiền chi trả cho người lao động	3	(81.981.637.127)	(89.642.538.129)
4. Tiền chi trả lãi vay	4	(6.942.563.809)	(7.087.932.746)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	5	(59.450.886.549)	(12.698.339.367)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6	290.655.384.048	312.509.108.771
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7	(427.924.770.577)	(447.367.548.662)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(7.398.602.181)</b>	<b>11.954.993.441</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(2.167.506.466)	(2.452.824.262)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	39.813.636	1.520.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(238.371.984.399)	(515.643.956.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	325.666.132.802	418.932.784.448
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(55.138.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	15.635.100.918	10.215.728.485
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	48.115.797.968	70.736.570.988
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>148.917.354.459</b>	<b>(73.348.176.341)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	33.105.000.000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	(4.940.527.123)	(1.069.040.000)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	167.082.455.221	245.957.948.907
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(269.865.003.490)	(308.422.991.042)
5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(45.627.851.760)	(43.837.229.800)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(153.350.927.152)</b>	<b>(74.266.311.935)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>(11.832.174.874)</b>	<b>(135.659.494.835)</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>182.149.197.271</b>	<b>317.799.349.521</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	119.319.173	9.342.585
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>170.436.341.570</b>	<b>182.149.197.271</b>



Lưu Hoàng Long  
Tổng Giám đốc  
Hà Nội, ngày 28 tháng 05 năm 2014

Nguyễn Trung Dũng  
Kế toán trưởng

Vũ Văn Tuấn  
Người lập biểu

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam, tên giao dịch VIETNAM ELECTRONICS AND INFORMATICS JOINT STOCK CORPORATION, tên viết tắt là VEIC (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty”), tiền thân là Tổng Công ty Điện tử và Tin học Việt Nam, được thành lập theo Quyết định số 1116/QĐ/TCCBHT ngày 27/10/1995 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp nặng (nay là Bộ Công thương) và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 109811 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 23/11/1995. Tổng Công ty chuyển đổi hình thức sang Tổng Công ty Cổ phần theo Quyết định số 2511/QĐ-BCN ngày 14/9/2006 và Quyết định số 05/QĐ-BCN ngày 2/1/2007 của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương) và chính thức hoạt động theo hình thức Tổng Công ty Cổ phần từ ngày 1/3/2007 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103016007 ngày 28/02/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp. Đăng ký thay đổi lần 3 ngày 27/4/2009.

Vốn điều lệ của Tổng Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 438.000.000.000 đồng.

Các cổ đông sáng lập của Tổng Công ty gồm:

Danh sách cổ đông sáng lập	Vốn đăng ký góp theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh		
	VND	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)
Vốn Nhà nước	385.308.600.000	38.530.860	87,97%
Vốn các cổ đông khác	52.691.400.000	5.269.140	12,03%
	<b>438.000.000.000</b>	<b>43.800.000</b>	<b>100,00%</b>

Trụ sở hoạt động theo Đăng ký kinh doanh tại: Số 15 đường Trần Hưng Đạo, Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 31/12/2013 là 153 người (tại ngày 31/12/2012 là 162 người).

**Các Công ty con và Công ty liên kết, liên doanh**

**Các Công ty con được hợp nhất của Tổng Công ty bao gồm:**

Công ty Cổ phần Viettronics Đồng Đa  
Công ty Cổ phần Điện tử Thủ Đức  
Công ty Cổ phần Điện tử Bình Hòa  
Công ty Cổ phần Công nghệ thông tin Genpacific  
Công ty Cổ phần Điện tử Tân Bình  
Công ty Cổ phần Điện tử Biên Hòa  
Công ty Cổ phần Công trình Viettronics  
Công ty Cổ phần Viettronics Công nghiệp

**Các Công ty liên kết**

Công ty Cổ phần Viettronimex  
Công ty Cổ phần Cơ khí Điện tử Phú Thọ Hòa  
Công ty Cổ phần Máy tính Việt Nam  
Công ty Cổ phần Máy tính và Truyền thông Việt Nam  
Công ty Cổ phần Giống tầm Mai Lĩnh  
Công ty Cổ phần Cơ điện tử Viettronics  
Công ty TNHH Panasonic AVC Việt Nam

**Công ty liên doanh**

Công ty Liên doanh điện tử Y tế kỹ thuật cao Amec

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)**

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính:**

- Thiết kế, sản xuất, lắp ráp, chế tạo thiết bị, hệ thống thiết bị, linh kiện, chi tiết cấu kiện điện tử - tin học, thiết bị viễn thông, điện tử y tế, điện tử - tự động hóa, điện máy gia dụng và chuyên dùng;
- Sản xuất kinh doanh, xuất khẩu, nhập khẩu thiết bị, sản phẩm, linh kiện, chi tiết, vật tư liên quan đến ngành điện tử - tin học, thiết bị viễn thông, điện tử y tế và điện máy;
- Thực hiện các dịch vụ trong lĩnh vực điện tử và công nghệ thông tin (nghiên cứu đào tạo, chuyển giao công nghệ thông tin, nghiên cứu đào tạo, chuyển giao công nghệ, tư vấn đầu tư, xây lắp, bảo trì, làm đại lý, nhà phân phối cho các Tổng Công ty trong và ngoài nước);
- Kinh doanh bất động sản và văn phòng cho thuê;
- Xây dựng: Công trình dân dụng, công nghiệp, viễn thông, phát thanh truyền hình, đường dây và trạm biến áp điện;
- Tư vấn, giám sát thi công công trình lắp đặt đường dây và trạm biến áp đến 110 KV. Tư vấn thiết kế công trình đường dây và trạm biến áp đến 110 KV.
- Đào tạo và bồi dưỡng cán bộ có trình độ cao đẳng và các trình độ thấp hơn trong lĩnh vực điện tử và tin học;
- Nghiên cứu khoa học phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội.
- Và các ngành nghề kinh doanh khác.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính.

Các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán**

Trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất, Tổng Công ty đã tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính.

**3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI**

**Hướng dẫn mới về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định**

Ngày 25 tháng 4 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 45/2013/TT-BTC (“Thông tư 45”) hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư này thay thế Thông tư số 203/2009/TT-BTC (“Thông tư 203”) ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư 45 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2013 và áp dụng cho năm tài chính 2013 trở đi. Ban Tổng Giám đốc đánh giá Thông tư 45 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính của Tổng Công ty cho năm tài chính hợp nhất kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI (Tiếp theo)**

**Hướng dẫn mới về trích lập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn vào doanh nghiệp**

Ngày 28 tháng 6 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 89/2013/TT-BTC (“Thông tư 89”) sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tồn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp. Thông tư 89 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 7 năm 2013. Ban Tổng Giám đốc đánh giá Thông tư 89 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Tổng Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Tổng Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31/12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tổng Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

**Hợp nhất kinh doanh**

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

MẪU B 09-DN

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Góp vốn liên doanh**

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Tổng Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Tổng Công ty lập báo cáo về các khoản lợi ích trong các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Bất kỳ lợi thế kinh doanh nào có được từ việc mua lại phần góp vốn của Tổng Công ty tại đơn vị góp vốn liên doanh đồng kiểm soát được kế toán phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty liên quan đến lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty con.

**Đầu tư vào công ty con**

Công ty con là một công ty mà Tổng Công ty giữ cổ phần chi phối (từ 51% trở lên) cũng như quyền kiểm soát tương ứng. Các khoản đầu tư vào công ty con được phản ánh theo giá gốc trên bảng cân đối kế toán.

**Đầu tư vào công ty liên kết**

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Tổng Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Tổng Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Tổng Công ty vào công ty liên kết, được loại bỏ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

**Các khoản đầu tư dài hạn khác**

Các khoản đầu tư dài hạn khác bao gồm các khoản đầu tư mua cổ phần với tỷ lệ nhỏ hơn 20% vốn điều lệ của công ty cổ phần, các khoản đầu tư dài hạn khác được phản ánh theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính dài hạn được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư dài hạn khi vốn góp thực tế của Công ty tại các công ty con, công ty liên doanh, liên kết và các khoản đầu tư dài hạn khác lớn hơn vốn chủ sở hữu thực có tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Tỷ lệ trích lập dựa trên tỷ lệ giữa số vốn đầu tư của Tổng công ty và tổng số vốn góp thực tế của các bên vào các đơn vị này.

**Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Tổng Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Lợi thế thương mại (Tiếp theo)**

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua công ty liên kết được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết. Lợi thế kinh doanh từ việc mua các công ty con và các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được trình bày riêng như một loại tài sản vô hình trên bảng cân đối kế toán.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

**Công cụ tài chính**

**Ghi nhận ban đầu**

*Tài sản tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

*Công nợ tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuế tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Dự phòng nợ khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Năm 2013 (Số năm khấu hao)
Nhà cửa vật kiến trúc	08 – 50
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	03 – 10
Máy móc, thiết bị	03- 20
Thiết bị quản lý	02 – 05
Tài sản cố định khác	03 – 08

**Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà xưởng, vật kiến trúc do công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 05 năm đến 50 năm.

Tại ngày 31/12/2013 chưa có cơ sở để Tổng Công ty xác định giá trị hợp lý của Bất động sản đầu tư nên không trình bày giá trị hợp lý trong Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty.

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm cả chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Các khoản trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí công cụ, dụng cụ xuất dùng, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Chi phí công cụ, dụng cụ đã xuất dùng được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng 03 (ba) năm.

Các chi phí trả trước dài hạn khác là các chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định, chi phí nhận diện thương hiệu được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong 03 (ba) năm.

**Vốn điều lệ**

Vốn điều lệ của Tổng Công ty bao gồm số vốn do Nhà nước bàn giao cho Tổng Công ty quản lý và sử dụng và phần vốn góp của các cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế hàng năm được phân phối theo quyết định của Đại Hội đồng cổ đông.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

MẪU B 09-DN

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận lãi.

**Hợp đồng xây dựng**

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Thuế (Tiếp theo)**

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tiền mặt	6.468.457.685	5.757.770.618
Tiền gửi ngân hàng	33.897.883.885	49.739.569.569
Các khoản tương đương tiền	130.070.000.000	126.651.857.084
<b>Cộng</b>	<b>170.436.341.570</b>	<b>182.149.197.271</b>

**6. CHI PHÍ ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn	71.500.000.000	129.010.000.000
Cho vay ngắn hạn	153.661.323.348	195.315.195.577
Đầu tư ngắn hạn khác	30.000.000	-
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(3.000.000.000)	-
<b>Cộng</b>	<b>222.191.323.348</b>	<b>324.325.195.577</b>

**7. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
<b>Phải thu tại:</b>		
Công ty Cổ phần Viettronics Đồng Đa	12.306.340.904	11.351.718.973
Công ty Cổ phần Điện tử Thủ Đức	11.911.751.484	8.749.565.928
Công ty Cổ phần Điện tử Bình Hòa	10.042.382.953	7.534.785.490
Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin Genpacific	22.607.720.677	17.199.720.363
Công ty Cổ phần Viettronics Tân Bình	31.551.997.287	34.476.129.124
Công ty Cổ phần Điện tử Biên Hòa	9.325.505.987	9.275.524.870
Công ty Cổ phần Công trình Viettronics	28.652.706.142	42.827.867.239
Công ty Cổ phần Viettronics Công nghiệp	23.978.722.826	1.094.034.613
Công ty mẹ - Tổng Công ty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam	70.417.530.697	98.144.063.555
<b>Cộng</b>	<b>220.794.658.957</b>	<b>230.653.410.155</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

	<b>31/12/2013</b>	<b>01/01/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Trả trước tại:</b>		
Công ty Cổ phần Viettronics Đống Đa	1.489.370.122	1.370.039.999
Công ty Cổ phần Điện tử Thủ Đức	6.938.003.472	4.958.913.328
Công ty Cổ phần Điện tử Bình Hòa	5.833.141.600	30.661.600
Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin Genpacific	60.328.754.053	54.670.418.466
Công ty Cổ phần Viettronics Tân Bình	9.078.628.381	7.730.633.281
Công ty Cổ phần Điện tử Biên Hòa	1.423.360.000	219.450.000
Công ty Cổ phần Công trình Viettronics	2.918.436.079	6.512.242.355
Công ty Cổ phần Viettronics Công nghiệp	8.351.039.079	10.602.550.941
Công ty mẹ - Tổng Công ty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam	11.167.197.064	17.255.286.561
<b>Cộng</b>	<b>107.527.929.850</b>	<b>103.350.196.531</b>

**9. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	<b>31/12/2013</b>	<b>1/1/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phải thu về cổ phần hóa	-	965.274.174
Các khoản cho vay không lãi suất	-	604.010.519
Phải thu cổ tức	-	1.375.211.225
Tổng công ty CP Điện tử và tin học Việt Nam	-	112.809.517
Học sinh - sinh viên đào tạo tại cơ sở 2 TP.Hồ Chí Minh	-	365.976.000
Lãi tiền gửi dự thu của ngân hàng TMCP Sài Gòn - CN Hồng Bàng	-	341.250.000
Phải thu BHXH	76.930.476	220.860.694
Các khoản phải thu khác các Công ty	15.819.087.713	12.516.118.450
Phải thu khác (i)	30.195.598.723	9.603.216.032
<b>Cộng</b>	<b>46.091.616.912</b>	<b>26.104.726.611</b>

(i) Trong đó bao gồm khoản phải thu khác của Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin Genpacific là 19.629.614.492 VND.

**10. HÀNG TỒN KHO**

	<b>31/12/2013</b>	<b>01/01/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Hàng mua đang đi đường	4.774.391.128	-
Nguyên liệu, vật liệu	49.634.570.779	34.511.942.454
Công cụ, dụng cụ	370.135.435	569.192.338
Chi phí SX, KD dở dang	83.749.193.534	122.804.347.660
Thành phẩm	33.651.432.493	26.023.538.472
Hàng hóa	82.779.068.520	109.121.986.124
Hàng gửi đi bán	9.044.405.254	15.737.839.077
<b>Cộng giá gốc hàng tồn kho</b>	<b>264.003.197.143</b>	<b>308.768.846.125</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(4.799.718.045)	(4.605.767.755)
<b>Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho</b>	<b>259.203.479.098</b>	<b>304.163.078.370</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

11. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/12/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
	VND	VND
Tạm ứng	26.811.224.643	40.796.539.785
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	6.498.331.299	3.318.448.824
Tài sản ngắn hạn khác (i)	17.232.896.007	5.080.111.244
<b>Cộng</b>	<b><u>50.542.451.949</u></b>	<b><u>49.195.099.853</u></b>

(i) Trong đó bao gồm tài sản ngắn hạn khác của Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin Genpacific là 17.223.546.007 VND.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ VÀ TIN HỌC VIỆT NAM**  
Số 15 Trần Hưng Đạo, Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, Hà Nội

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**MÃ B 09-DN**

**12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	TSCĐ khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
Tại ngày 01/01/2013	97.233.668.361	88.153.497.356	23.338.077.216	8.888.789.692	1.343.421.783	218.957.454.408
Mua trong năm	-	648.119.934	1.299.508.000	133.679.273	77.275.000	2.158.582.207
Tặng khác	-	12.272.727	441.536.954	-	-	453.809.681
Chuyển sang công cụ dụng cụ (i)	(133.287.125)	(1.100.426.307)	(62.265.200)	(1.667.576.631)	-	(2.963.555.263)
Thanh lý, nhượng bán	(302.107.393)	(4.736.624.814)	(1.109.893.620)	(300.781.184)	(7.471.698)	(6.456.878.709)
Giảm khác	(23.129.860)	(2.813.787.407)	-	(1.024.727.035)	-	(3.861.644.302)
<b>Tại ngày 31/12/2013</b>	<b>96.775.143.983</b>	<b>80.163.051.489</b>	<b>23.906.963.350</b>	<b>6.029.384.115</b>	<b>1.413.225.085</b>	<b>208.287.768.022</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
Tại ngày 01/01/2013	55.756.177.822	34.429.812.616	17.917.823.836	7.463.631.244	1.084.212.056	116.651.657.574
Khấu hao trong năm	3.419.949.301	5.191.880.651	1.571.400.844	458.966.975	110.770.049	10.752.967.820
Tặng khác	-	10.353.536	79.688.288	-	-	90.041.824
Chuyển sang công cụ dụng cụ (i)	(133.287.125)	(945.025.598)	(62.265.200)	(1.349.264.311)	-	(2.489.842.234)
Thanh lý, nhượng bán	(302.107.393)	(4.731.897.288)	(1.097.033.046)	(290.642.851)	(7.471.698)	(6.429.152.276)
Giảm khác	-23.129.860	(2.149.265.491)	-	(659.971.469)	-	(2.832.366.820)
<b>Tại ngày 31/12/2013</b>	<b>58.717.602.745</b>	<b>31.805.858.426</b>	<b>18.409.614.722</b>	<b>5.622.719.588</b>	<b>1.187.510.407</b>	<b>115.743.305.888</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Tại ngày 01/01/2013	41.477.490.539	53.723.684.740	5.420.253.380	1.425.158.448	259.209.727	102.305.796.834
Tại ngày 31/12/2013	38.057.541.238	48.357.193.063	5.497.348.628	406.664.527	225.714.678	92.544.462.134

(i) Chuyển sang công cụ dụng cụ đối với những tài sản cố định có nguyên giá dưới 30 triệu VND theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài Chính.

Giá trị còn lại của tài sản cố định đang cầm cố, thế chấp tại ngân hàng tại ngày 31/12/2013 là 47.244.747.452 đồng (tại ngày 31/12/2012 là 49.008.380.114 đồng).



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm	Tổng cộng
	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Tại ngày 01/01/2013	51.215.752.144	2.389.465.764	53.605.217.908
- Tăng trong năm	-	63.000.000	63.000.000
- Giảm khác	-	(559.834.577)	(559.834.577)
Tại ngày 31/12/2013	51.215.752.144	1.892.631.187	53.108.383.331
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Tại ngày 01/01/2013	2.499.582.635	1.036.236.225	3.535.818.860
- Khấu hao trong năm	608.998.164	241.482.570	850.480.734
- Giảm khác	(184.959.894)	(195.551.731)	(380.511.625)
Tại ngày 31/12/2013	2.923.620.905	1.082.167.064	4.005.787.969
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày 01/01/2013	48.716.169.509	1.353.229.539	50.069.399.048
Tại ngày 31/12/2013	48.292.131.239	810.464.123	49.102.595.362

Toàn bộ giá trị quyền sử dụng đất nêu trên với giá trị còn lại tại ngày 31/12/2013 là 48.292.131.239 đồng đang được thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng.

14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Năm 2013
	VND
Tại ngày 01 tháng 01	23.087.531.165
Tăng trong năm	5.582.186.651
Kết chuyển khác	(2.060.723.926)
Tại ngày 31 tháng 12	26.608.993.890

15. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Quyền sử dụng đất	Nhà cửa, vật kiến trúc	Cơ sở hạ tầng	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
Số dư tại 01/01/2013	3.811.392.900	13.156.179.820	18.956.360.587	35.923.933.307
Tăng trong năm	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2013	3.811.392.900	13.156.179.820	18.956.360.587	35.923.933.307
<b>HAO MÒN LŨY KẾ</b>				
Số dư tại 01/01/2013	1.387.347.032	6.306.270.487	13.696.734.752	21.390.352.271
Trích khấu hao trong năm	76.227.864	514.185.864	1.023.631.217	1.614.044.945
Số dư tại 31/12/2013	1.463.574.896	6.820.456.351	14.720.365.969	23.004.397.216
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Số dư tại 01/01/2013	2.424.045.868	6.849.909.333	5.259.625.835	14.533.581.036
Số dư tại 31/12/2013	2.347.818.004	6.335.723.469	4.235.994.618	12.919.536.091

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

16. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT, LIÊN DOANH

	31/12/2013		01/01/2013	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
<b>Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh</b>		<b>44.553.580.000</b>		<b>47.566.223.460</b>
<i>Đầu tư vào Công ty liên kết</i>				
Công ty CP Máy tính và Truyền thông VN	214.200	21.420.000.000	214.200	21.420.000.000
Công ty CP Viettronimex	108.689	10.868.900.000	108.689	10.868.866.920
Công ty CP Cơ khí Điện tử Phú Thọ Hoà	18.787	1.878.700.000	18.787	1.878.775.622
Công ty CP Máy tính Việt Nam	8.555	855.500.000	8.555	855.500.000
Công ty CP Dịch vụ Điện tử Việt	-	-	26.000	3.012.600.918
Công ty CP Giống tầm Mai Lĩnh	173.875	1.738.750.000	173.875	1.738.750.000
Công ty Cổ phần Cơ điện tử Viettronics	30.000	300.000.000	30.000	300.000.000
Công ty TNHH Panasonic AVC Việt Nam	631.373	6.313.730.000	631.373	6.313.730.000
Công ty Cổ phần Belco Hà Nội (i)		1.178.000.000		1.178.000.000
<i>Góp vốn liên doanh</i>		<b>1.276.595.137</b>		<b>11.756.595.137</b>
Công ty LD Điện tử Y tế Kỹ thuật cao Amec	-	1.276.595.137	-	1.276.595.137
Công ty TNHH JVC Việt Nam	-	-	-	10.480.000.000
<b>Cộng giá gốc</b>		<b>45.830.175.137</b>		<b>59.322.818.597</b>
Lãi trong Công ty liên kết, liên doanh		<u>27.581.866.891</u>		<u>27.087.454.681</u>
<b>Tổng cộng</b>		<b><u>73.412.042.028</u></b>		<b><u>86.410.273.278</u></b>

Thông tin của các Công ty liên doanh, liệt kê tại ngày 31/12/2013 như sau:

Tên công ty liên doanh, liên kết	Nơi thành lập /đăng ký /hoạt động	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
<i>Đầu tư vào công ty liên kết</i>			
Công ty CP Viettronimex	Hồ Chí Minh	46,25%	46,25%
Công ty CP Cơ khí Điện tử Phú Thọ Hoà	Hồ Chí Minh	33,77%	33,77%
Công ty CP Máy tính Việt Nam	Hồ Chí Minh	28,50%	28,50%
Công ty CP Máy tính và Truyền thông Việt Nam	Hà Nội	35,70%	35,70%
Công ty CP Giống tầm Mai Lĩnh	Hà Nội	33,00%	33,00%
Công ty Cổ phần Cơ điện tử Viettronics	Hà Nội	30,00%	30,00%
Công ty TNHH Panasonic AVC Việt Nam	Hồ Chí Minh	20,00%	20,00%
Công ty Cổ phần Belco Hà Nội (i)	Hà Nội		
<i>Góp vốn liên doanh</i>			
Công ty LD Điện tử y tế KT cao Amec	Hà Nội	49,00%	49,00%

(i) Không thu thập được số lượng cổ phiếu, tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ biểu quyết trong Công ty Cổ phần Belco Hà Nội.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

17. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Công ty TNHH Bất động sản Viettronics	48.000.000.000	48.000.000.000
Đầu tư cổ phần vào Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công Thương	29.915.290.000	29.915.290.000
Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Thủ Đức 1	10.480.000.000	5.240.000.000
Công ty Cổ phần Điện tử Hải Phòng	3.111.000.000	-
Công ty CP Điện tử và Viễn Thông Nghệ An	1.800.000.000	-
Công ty CP Đầu tư XD và ứng dụng CN Mới TECCO	446.500.000	446.500.000
Đầu tư dài hạn khác	100.000.000	10.351.000.000
<b>Cộng</b>	<b>93.852.790.000</b>	<b>93.952.790.000</b>

18. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2013 VND
Thuê nhà văn phòng làm việc tòa nhà HH3	4.296.121.148
Chi phí cho giai đoạn tiền hoạt động của Asamled	2.705.759.441
Công cụ dụng cụ	1.910.411.657
Chi phí trả trước dài hạn khác	1.850.938.753
<b>Cộng</b>	<b>10.763.230.999</b>

19. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Nguyên giá	10.822.030.555	12.985.677.133
Tăng trong năm	-	-
Phân bổ trong năm	(2.163.646.578)	(2.163.646.578)
Giảm khác	(17.089.490)	-
<b>Giá trị còn lại</b>	<b>8.641.294.487</b>	<b>10.822.030.555</b>

20. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Các Công ty con khác	87.657.925.440	109.336.375.356
Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (i)	5.173.690.441	1.055.920.560
Vay Ngân hàng Ngoại thương (ii)	24.140.000.000	14.130.532.784
Vay Ngân hàng TMCP An Bình (iii)	56.333.168.007	90.513.455.020
Công ty Cổ phần Công nghệ AMEC (iv)	1.286.066.992	1.149.066.992
Vay ngắn hạn các cá nhân	725.000.000	2.487.400.000
Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin Genpacific	20.984.100.740	37.065.213.052
Vay các ngân hàng	6.881.910.813	19.233.302.239
Vay các tổ chức, cá nhân khác	14.102.189.927	17.831.910.813
<b>Cộng</b>	<b>108.642.026.180</b>	<b>146.401.588.408</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**20. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN (Tiếp theo)**

(i) Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam bao gồm:

- Khoản vay theo Hợp đồng số 03/2013/HDTDNH, lãi suất vay 11%/năm, thời hạn vay 06 tháng giữa Tổng Công ty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam- Chi nhánh Hà Nội. Tài sản đảm bảo là Hóa đơn đầu vào của Công ty Cổ phần Viettronics Công nghiệp liên quan đến dự án vay. Đến ngày 31/12/2013, số dư khoản vay này là 3.100.000.000 VND.

- Khoản vay theo hợp đồng Thấu chi số 01/2013/101317.HĐTC ngày 18 tháng 12 năm 2013 giữa Công ty Cổ phần Điện tử Thủ Đức và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) - chi nhánh Đông Sài Gòn. Hạn mức thấu chi là 2.700.000.000 đồng trong thời hạn kể từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 13 tháng 02 năm 2014 với lãi suất trong hạn là 8%/năm để bổ sung vốn lưu động và được đảm bảo bằng hợp đồng tiền gửi kỳ hạn 06 tháng tại BIDV. Tại ngày 31/12/2013, số dư khoản vay này là 2.073.690.441 VND.

(ii) Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương bao gồm:

- Khoản vay theo hợp đồng cấp tín dụng số 0001/TD4/12LD ngày 02/01/2013 giữa ngân hàng TMCP Ngoại thương - Chi nhánh Tân Định và Công ty cổ phần Viettronics Tân Bình với hạn mức cho vay là 15 tỷ đồng với thời hạn vay là 6 tháng kể từ ngày rút vốn để bổ sung vốn lưu động. Lãi suất cho vay được áp dụng theo lãi suất cho vay ngắn hạn cầm cố tài khoản tiền gửi tại Ngân hàng, cầm cố sổ tiết kiệm, giấy tờ có giá do Ngân hàng phát hành. Mục đích vay nhằm bổ sung vốn lưu động.

- Khoản vay ngắn hạn theo Hợp đồng hạn mức số 005/TD4/11LD ngày 16/01/2013 giữa Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Định và Công ty Cổ phần Viettronics Tân Bình với hạn mức vay là 30 tỷ đồng; Thời hạn vay được tính theo từng giấy nhận nợ của từng lần rút vốn là 6 tháng kể từ ngày nhận nợ vay; Mục đích vay nhằm bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh. Lãi suất cho vay theo lãi suất cho vay vốn ngắn hạn sản xuất kỳ hạn 6 tháng do ngân hàng công bố tại thời điểm nhận nợ và sẽ được điều chỉnh khi Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam thông báo lãi suất cho vay mới. Khoản vay được bảo đảm bằng tài sản cố định là nhà xưởng và quyền sử dụng đất của Công ty.

Tại ngày 31/12/2013, số dư khoản vay của hai Hợp đồng nói trên là 24.140.000.000 VND.

(iii) Vay Ngân hàng TMCP An Bình bao gồm:

- Khoản vay theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 1010/2011/HDDTHM.II.116 Ngày 12/10/2011 giữa Tổng Công ty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam và Ngân hàng TMCP An Bình, hạn mức 284 tỷ đồng; Thời hạn vay là 12 tháng kể từ ngày 12/10/2011 đến ngày 12/10/2013. Tài sản thế chấp là khoản phải thu từ Ban QLDA thủy điện Sơn La, Công ty CP thủy điện An Khê Kanak, Tổng Công ty xây dựng 1, Ban QLDA điện miền nam, Công ty điện lực 1, Công ty cổ phần Bắc Hà. Tại ngày 31/12/2013, số dư khoản vay này là 40.153.824.797 VND.

- Khoản vay theo Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 1412/2011/HDDTHM.II.116 ngày 14/12/2011 giữa Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Hà Nội với Công ty Cổ phần Công trình Viettronics. Hạn mức cho vay là 70.000.000.000 đồng, hạn mức bảo lãnh là 130.000.000.000 đồng, và hạn mức bảo lãnh phát hành L/C: 70.000.000.000. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động. Điều kiện đảm bảo: ký quỹ 5% với bảo lãnh dự thầu, bảo lãnh thực hiện hợp đồng và bảo lãnh tạm ứng, ký quỹ 10% với bảo lãnh bảo hành và bảo lãnh thanh toán, và ký quỹ 10% với bảo lãnh phát hành L/C (5% khi phát hành và 5% khi ký nhận). Cầm cố/thế chấp cho ngân hàng các Tài sản; quyền đòi nợ từ các hợp đồng kinh tế của Công ty được quy định chi tiết tại hợp đồng thế chấp quyền đòi nợ số 1512/2011/HĐTC-ABB/II.116 ký ngày 15/12/2011. Lãi suất được quy định cụ thể tại từng lần nhận nợ. Tại ngày 31/12/2013, số dư khoản vay này là 14.890.000.000 VND.

- Khoản vay theo Hợp đồng số 1710/2013/HĐTD.II.116 ngày 17 tháng 10 năm 2013 giữa Công ty Cổ phần Viettronics Công nghiệp và Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Hà Nội. Số tiền vay: 133.000.000 VNĐ; 17.132,5 USD; 32.166,1 EUR quy đổi VNĐ tại thời điểm giải ngân. Mục đích vay, bổ sung vốn lưu động thanh toán các hợp đồng để phục vụ hợp đồng mua bán thiết bị đo đếm điện năng số 1688/HĐ-TĐTB-VIETTRONIC thuộc gói thầu: cung cấp thiết bị đo đếm điện năng - nhà máy thủy điện Thác Bà. Thời hạn vay: 9 tháng kể từ ngày bên vay rút tiền vay lần đầu. Lãi suất trong hạn tính từ ngày giải ngân. Lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn. Gốc trả dần trong kỳ hoặc trả hết vào cuối kỳ theo từng khế ước nhận nợ. Lãi được trả 1 tháng/ lần. Ngày trả nợ lãi tương ứng với ngày trả nợ gốc. Tại ngày 31/12/2013, số dư khoản vay này là 1.289.343.210 VND.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**20. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN (Tiếp theo)**

(v) Khoản vay theo Hợp đồng hạn mức vay vốn số 03/AMEC-VCN ngày 21/12/2011 giữa Công ty Cổ phần Vietronic Công nghiệp với Công ty Cổ phần Công nghệ AMEC. Số tiền vay: 2.400.000.000 đồng thời hạn tối đa 4 tháng từ ngày nhận nợ từng lần. Mục đích vay: làm vốn lưu động thanh toán các hợp đồng mua hàng thuộc dự án “cung cấp và lắp đặt thiết bị (khối nhà chính) Trung tâm thương mại và Văn phòng điều hành dự án khu đô thị mới Ngã Năm - Sân bay Cát Bi” của Công ty. Lãi suất trong hạn: tùy theo từng lần nhận nợ. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Tại ngày 31/12/2013, số dư khoản vay này là 1.286.066.992 VND.

**21. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Công ty Cổ phần Viettronics Đồng Đa	6.168.826.750	5.627.200.903
Công ty Cổ phần Điện tử Thủ Đức	1.794.089.338	850.466.991
Công ty Cổ phần Điện tử Bình Hòa	481.462.291	1.950.881.280
Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin Genpacific	27.343.035.867	69.845.684.244
Công ty Cổ phần Viettronics Tân Bình	12.271.085.747	14.336.633.464
Công ty Cổ phần Điện tử Biên Hòa	72.397.350	112.544.750
Công ty Cổ phần Công trình Viettronics	32.995.683.787	15.528.955.266
Công ty Cổ phần Viettronics Công nghiệp	12.586.341.696	16.799.265.554
Công ty mẹ - Tổng Công ty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam	1.831.839.988	4.256.660.258
	<b>95.544.762.814</b>	<b>129.308.292.710</b>

**22. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC**

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Công ty Cổ phần Viettronics Đồng Đa	2.861.583.917	1.993.535.420
Công ty Cổ phần Điện tử Thủ Đức	144.088.916	571.873.037
Công ty Cổ phần Điện tử Bình Hòa	3.120.832.000	246.929.982
Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin Genpacific	44.954.660.036	35.105.258.488
Công ty Cổ phần Viettronics Tân Bình	257.238.589	82.062.627
Công ty Cổ phần Điện tử Biên Hòa	2.102.158	1.191.025
Công ty Cổ phần Công trình Viettronics	15.996.066.730	21.931.053.433
Công ty Cổ phần Viettronics Công nghiệp	21.552.985.021	949.929.585
Công ty mẹ - Tổng Công ty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam	6.331.914.059	1.035.000.000
	<b>95.221.471.426</b>	<b>61.916.833.597</b>

**23. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	3.479.152.964	15.744.049.357
Thuế xuất, nhập khẩu	595.726.936	644.811.546
Thuế thu nhập doanh nghiệp	9.541.026.355	56.912.737.474
Thuế thu nhập cá nhân	351.943.944	342.643.263
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	2.893.961.270	4.869.980.361
Các loại thuế khác	72.629.000	297.905.050
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	399.426	399.426
	<b>16.934.839.895</b>	<b>78.812.526.477</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

24. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Tài sản thừa chờ giải quyết	-	1.208.400
Kinh phí Công đoàn	148.335.918	470.447.331
Bảo hiểm xã hội	496.205.483	556.144.151
Bảo hiểm y tế	30.418.264	5.582.250
Bảo hiểm thất nghiệp	21.927.827	17.806.559
Phải trả các cổ đông	595.358.319	357.915.900
Phải trả về cổ phần hoá	-	19.285.572
Phải nộp Ngân sách Nhà nước	6.679.845.151	6.679.845.151
Công ty Cổ phần Bất động sản Bảo Long	15.000.000.000	10.000.000.000
Cổ tức phải trả	4.456.505.860	2.229.124.600
Phải trả Nhà nước về quyết toán cổ phần hóa	20.352.613.860	20.352.613.860
Phải trả CBCNV - tiền ứng trước mua đất	1.302.400.000	1.302.400.000
Công ty TNHH Bất động sản Viettronics	-	20.371.483.059
Chi nhánh TCT CP ĐT&THVN - TT Công nghệ	-	6.314.773.901
Các khoản phải trả, phải nộp khác (i)	67.718.118.981	23.669.306.320
	<b>116.801.729.663</b>	<b>92.347.937.054</b>

(i) Trong đó bao gồm khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác của Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin Genpacific là 51.799.963.309 VND.

25. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Doanh thu ghi nhận trước từ học phí	1.771.377.500	5.730.290.000
Doanh thu ghi nhận trước từ học phí đào tạo chuyên sâu	2.196.439.000	2.784.489.000
Doanh thu ghi nhận trước từ học phí hệ B và hệ liên kết	18.000.000	98.742.500
Doanh thu khác - Tân Bình	200.575.000	2.202.000.000
<b>Cộng</b>	<b>4.186.391.500</b>	<b>10.815.521.500</b>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ VÀ TIN HỌC VIỆT NAM**  
Số 15 Trần Hưng Đạo, Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, Hà Nội

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**MÃU B 09-DN**

**26. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

*Thay đổi trong vốn chủ sở hữu*

	VND		USD		VND	USD		VND
	VND	USD	VND	USD		VND	USD	
<b>Số dư tại ngày 01/01/2012</b>	<b>438.000.000.000</b>	<b>(12.454.260.038)</b>	<b>2.692.590.710</b>	<b>25.567.055.720</b>	<b>15.381.659.275</b>	<b>4.972.880.216</b>	<b>-</b>	<b>655.526.208.496</b>
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	-	-	77.078.062.465
Phân phối lợi nhuận	-	-	4.061.994.958	-	2.453.780.785	-	-	(7.114.205.904)
Tặng khác	-	-	13.625.933.923	-	-	-	-	29.760.801.848
Giảm khác	-	(302.818.629)	(16.314.080.325)	(3.437.593.993)	(3.889.728.358)	(95.753.265)	-	(24.039.974.570)
Trả cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	(18.165.660.000)
<b>Số dư tại ngày 31/12/2012</b>	<b>438.000.000.000</b>	<b>(12.757.078.667)</b>	<b>4.444.308</b>	<b>26.191.456.685</b>	<b>13.945.711.702</b>	<b>4.877.126.951</b>	<b>3.502.902.252</b>	<b>713.045.232.335</b>
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	-	-	12.035.635.636
Phân phối lợi nhuận năm 2012	-	-	2.432.669.849	-	2.292.541.395	-	-	(17.474.062.503)
Tam ứng cổ tức năm 2013	-	-	-	-	-	-	-	(13.140.000.000)
Tặng khác	-	(1.066.708.971)	-	205.779.273	633.637.507	-	-	945.331.230
Sử dụng quỹ	-	-	-	(298.000.000)	-	-	-	(298.000.000)
Giảm theo Biên bản thanh tra thuế	-	-	-	-	-	-	-	(1.591.693.625)
Giảm lợi nhuận phải thu đơn vị trực thuộc nộp về	-	-	-	-	-	-	-	(843.284.682)
Thù lao Hội đồng Quản trị	-	-	-	-	-	-	-	(114.000.000)
Giảm khác	-	-	(3.692.055)	(161.363.284)	(444.738.302)	(4.850.507.246)	(3.502.902.252)	(10.632.014.462)
<b>Số dư tại ngày 31/12/2013</b>	<b>438.000.000.000</b>	<b>(13.823.787.638)</b>	<b>752.253</b>	<b>28.370.542.523</b>	<b>16.427.152.302</b>	<b>26.619.705</b>	<b>-</b>	<b>681.933.143.929</b>

(1) Trong giảm khác của lợi nhuận chưa phân phối có bao gồm khoản chênh lệch tại 31/12/2013 và 01/01/2013 ở Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin Genpacific là 4.013.029.356 VND.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**27. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ**

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Công ty Cổ phần Viettronics Đồng Đa	80.652.159.771	74.541.650.466
Công ty Cổ phần Điện tử Thủ Đức	2.761.232.544	3.502.159.336
Công ty Cổ phần Điện tử Bình Hòa	15.342.095.873	15.296.290.673
Công ty Cổ phần Công nghệ thông tin Genpacific	45.148.806.618	43.832.450.735
Công ty Cổ phần Điện tử Tân Bình	88.898.219.772	92.512.456.280
Công ty Cổ phần Điện tử Biên Hòa	35.910.592.019	35.569.107.188
Công ty Cổ phần Công trình Viettronics	3.126.178.694	3.068.956.430
Công ty Cổ phần Viettronics Công nghiệp	2.446.954.063	2.633.404.390
	<b>274.286.239.354</b>	<b>270.956.475.498</b>

**28. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
<b>Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>721.382.109.765</b>	<b>781.580.013.067</b>
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	666.777.572.767	615.478.166.468
Doanh thu cung cấp dịch vụ	15.304.842.391	34.322.205.090
Doanh thu kinh doanh bất động sản	5.949.307.541	8.212.815.707
Doanh thu hoạt động xây dựng	33.041.365.087	121.254.139.669
Doanh thu bán vật tư	264.801.110	2.208.540.012
Doanh thu bán phế liệu	44.220.869	104.146.121
Các khoản giảm trừ doanh thu	(2.791.394.716)	(12.702.013.388)
Trong đó:		
- Chiết khấu thương mại	(301.726.564)	(12.451.145.473)
- Hàng bán bị trả lại	(2.489.668.152)	(250.867.915)
<b>Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>718.590.715.049</b>	<b>768.877.999.679</b>

**29. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Giá vốn hàng hóa, thành phẩm	568.875.811.711	500.260.745.843
Giá vốn cung cấp dịch vụ	10.900.891.313	9.883.834.144
Giá vốn kinh doanh bất động sản	1.030.319.049	1.603.049.750
Giá vốn hoạt động xây dựng	32.402.548.064	113.490.838.335
Giá vốn bán vật tư	195.915.929	1.829.615.370
Trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	491.105.961	239.021.278
	<b>613.896.592.027</b>	<b>627.307.104.720</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**30. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<b>Năm 2013</b>
	<b>VND</b>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	80.411.761.639
Chi phí nhân công	63.068.887.653
Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.133.255.382
Chi phí dịch vụ mua ngoài	67.029.027.981
Chi phí khác	34.792.403.268
	<b><u>254.435.335.923</u></b>

Ghi chú: Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố chưa bao gồm của Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin Genpacific.

**31. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<b>Năm 2013</b>	<b>Năm 2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi tiền gửi, cho vay	44.128.814.983	48.489.688.128
Lãi từ hoạt động đầu tư	-	11.102.743.428
Cổ tức và lợi nhuận được chia	7.263.006.764	34.430.226.210
Doanh thu chuyển nhượng cổ phần	4.839.399.082	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	791.616.287	2.105.023.259
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	10.782.172.413	818.937.001
Doanh thu hoạt động tài chính khác	759.351.745	1.927.554.009
	<b><u>68.564.361.274</u></b>	<b><u>98.874.172.035</u></b>

**32. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<b>Năm 2013</b>	<b>Năm 2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi tiền vay	10.740.526.187	7.674.149.925
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	10.907.501.584	210.990.011
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	10.881.856.720	5.899.561
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn	3.000.000.000	1.022.945.785
Chi phí tài chính khác	1.056.278.664	-
<b>Cộng</b>	<b><u>36.586.163.155</u></b>	<b><u>8.913.985.282</u></b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**33. LỢI NHUẬN KHÁC**

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
<b>Thu nhập khác</b>	<b>48.222.526.876</b>	<b>7.589.859.148</b>
Tiền hỗ trợ giải phóng mặt bằng	21.708.250.392	-
Thu nhập từ việc thu hộ, chi hộ lãi vay	5.058.061.891	-
Hỗ trợ của Nhà nước cho dự án đầu tư đèn tiết kiệm	5.000.000.000	-
Hoàn nhập chi phí bảo hành không chi hết	4.196.686.814	-
Thu từ thanh lý tài sản cố định	336.368.175	28.070.000
Thu từ nhập khẩu ủy thác	-	2.470.822.493
Thu tiền đền bù vật tư	-	280.138.485
Thu nhập khác	11.923.159.604	4.810.828.170
<b>Chi phí khác</b>	<b>7.627.184.893</b>	<b>2.401.701.980</b>
Chi phí từ việc thu hộ, chi hộ lãi vay	5.058.061.891	-
Chi tiền đền bù vật tư	55.967.265	166.971.080
Chi thù lao Hội đồng Quản trị	72.600.000	136.200.000
Chi phí khác	2.440.555.737	2.098.530.900
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>40.595.341.983</b>	<b>5.188.157.168</b>

**34. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Văn phòng Tổng Công ty	1.761.670.111	1.024.580.893
Công ty Cổ phần Viettronics Đống Đa	8.498.482.535	4.744.770.439
Công ty Cổ phần Điện tử Thủ Đức	-	-
Công ty Cổ phần Điện tử Bình Hòa	40.319.085	765.494.546
Công ty Cổ phần Công nghệ thông tin Genpacific	826.908.310	1.328.234.111
Công ty Cổ phần Điện tử Tân Bình	2.801.426.912	3.918.553.250
Công ty Cổ phần Điện tử Biên Hòa	98.038.675	806.778.914
Công ty Cổ phần Công trình Viettronics	193.191.359	305.352.672
Công ty Cổ phần Viettronics Công nghiệp	-	727.249.547
	<b>14.220.036.987</b>	<b>13.621.014.372</b>

**35. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
<b>Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>12.035.635.636</b>	<b>56.843.131.169</b>
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi trên cổ phiếu	43.800.000	43.800.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>275</b>	<b>1.298</b>
Mệnh giá cổ phiếu	10.000	10.000

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**36. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Quản lý rủi ro vốn**

Tổng Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tổng Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 20 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

*Hệ số đòn bẩy tài chính*

Hệ số đòn bẩy tài chính của Tổng Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	<u>31/12/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
	VND	VND
Các khoản vay	108.642.026.180	146.401.588.408
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	170.436.341.570	182.149.197.271
Nợ thuần	(61.794.315.390)	(35.747.608.863)
Vốn chủ sở hữu	678.430.241.677	713.045.232.135
<b>Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Tổng Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

**Các loại công cụ tài chính**

	<b>Giá trị ghi sổ</b>	
	<u>31/12/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	170.436.341.570	182.149.197.271
Đầu tư ngắn hạn	222.191.323.348	324.325.195.577
Phải thu khách hàng và phải thu khác	267.225.075.869	257.096.936.766
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	6.498.331.299	3.318.448.824
Đầu tư dài hạn	187.126.645.955	194.435.417.056
<b>Tổng cộng</b>	<b>853.477.718.041</b>	<b>961.325.195.494</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay	108.642.026.180	146.401.588.408
Phải trả người bán và phải trả khác	218.399.986.182	224.854.879.081
Chi phí phải trả	12.542.824.544	36.371.272.975
Dự phòng phải trả dài hạn	2.631.845.995	3.210.867.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>342.216.682.901</b>	<b>410.838.607.464</b>

Tổng Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**36. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Tổng Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Tổng Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Tổng Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Tổng Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

**Quản lý rủi ro lãi suất**

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

**Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu**

Các cổ phiếu do Tổng Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Tổng Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư,... Tổng Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

Và Tổng Công ty cũng chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công ty con. Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào công ty con như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư. Khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Tổng Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này trong tương lai gần.

**Quản lý rủi ro về giá hàng hóa**

Tổng Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tổng Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tổng Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tổng Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tổng Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Tổng Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tổng Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và dự vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**36. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2013	Dưới 1 năm	Từ 1 đến 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	170.436.341.570	-	170.436.341.570
Đầu tư ngắn hạn	222.191.323.348	-	222.191.323.348
Phải thu khách hàng và phải thu khác	267.225.075.869	-	267.225.075.869
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	6.498.331.299	-	6.498.331.299
Đầu tư dài hạn	-	187.126.645.955	187.126.645.955
<b>Cộng</b>	<b>666.351.072.086</b>	<b>187.126.645.955</b>	<b>853.477.718.041</b>
	Dưới 1 năm	Từ 1 đến 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Các khoản vay	108.642.026.180	-	108.642.026.180
Phải trả người bán và phải trả khác	218.399.986.182	-	218.399.986.182
Chi phí phải trả	12.542.824.544	-	12.542.824.544
Dự phòng phải trả dài hạn	-	2.631.845.995	2.631.845.995
<b>Cộng</b>	<b>339.584.836.906</b>	<b>2.631.845.995</b>	<b>342.216.682.901</b>
<b>Mức chênh lệch thanh khoản ròng</b>	<b>326.766.235.180</b>	<b>184.494.799.960</b>	<b>511.261.035.140</b>

01/01/2013	Dưới 1 năm	Từ 1 đến 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	182.149.197.271	-	182.149.197.271
Đầu tư ngắn hạn	324.325.195.577	-	324.325.195.577
Phải thu khách hàng và phải thu khác	257.096.936.766	-	257.096.936.766
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	3.318.448.824	-	3.318.448.824
Đầu tư dài hạn	-	194.435.417.056	194.435.417.056
<b>Cộng</b>	<b>766.889.778.438</b>	<b>194.435.417.056</b>	<b>961.325.195.494</b>
	Dưới 1 năm	Từ 1 đến 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Các khoản vay	146.401.588.408	-	146.401.588.408
Phải trả người bán và phải trả khác	224.854.879.081	-	224.854.879.081
Chi phí phải trả	36.371.272.975	-	36.371.272.975
Dự phòng phải trả dài hạn	-	3.210.867.000	3.210.867.000
<b>Cộng</b>	<b>407.627.740.464</b>	<b>3.210.867.000</b>	<b>410.838.607.464</b>
<b>Mức chênh lệch thanh khoản ròng</b>	<b>359.262.037.974</b>	<b>191.224.550.056</b>	<b>550.486.588.030</b>

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Tổng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

**37. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty khẳng định rằng không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày khóa sổ đến thời điểm phát hành báo cáo này có ảnh hưởng trọng yếu và cần phải trình bày trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 của Tổng Công ty.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**38. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2012 đã được kiểm toán.



Hà Nội, ngày 28 tháng 05 năm 2014

Nguyễn Trung Dũng  
Kế toán trưởng

Vũ Văn Tuấn  
Người lập biểu